BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2022/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022*

SỞ ... PTNT HƯNG YÊN
Số: 5863
Ngày: 05/9/2022
LĐ Sở

- VPNTM
- P. KH-TC.

THÔNG TƯ

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg);

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 263/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg;

b) Đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này;

c) Đối với các nội dung thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Thông tư này theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này). Các địa phương chủ động bố trí kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương để cùng với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần, nội dung của Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg, Điều 7 và Điều 8 Mục 2 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg;

d) Thông tư này không áp dụng đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025 ban hành tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành quy định xã

nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025, số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

3. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

4. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình.

5. Không sử dụng kinh phí của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nội dung, nhiệm vụ bố trí kinh phí từ các Chương trình, dự án khác.

Điều 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình

1. Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg;

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

Điều 4. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; đầu tư công; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg; Quyết định số 263/QĐ-TTg; văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành chủ quản chương trình, nội dung thành phần, nội dung; quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật. Các nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc Chương trình đã được quyết toán từ nguồn kinh phí của các chương trình, đề án, dự án khác thì không được quyết toán từ nguồn kinh phí của Chương trình này.

2. Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán (Bên A) ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện (Bên B) theo quy định của pháp luật, tài liệu làm căn cứ thanh toán, quyết toán được lưu tại Bên A gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của Bên B, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do Bên B trực tiếp thực hiện được lưu giữ theo quy định hiện hành. Bên B có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với các nội dung, nội dung thành phần có nội dung hỗ trợ hộ gia đình, việc hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ hoặc tên, số lượng, thông số kỹ thuật, ký hiệu, nhãn mác, đơn vị sản xuất của loại sản phẩm hiện vật được hỗ trợ; chữ ký (dấu tay điểm chỉ) của người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ hoặc xác nhận của tổ chức dịch vụ chi trả (trong trường hợp thanh toán qua tổ chức dịch vụ chi trả) làm chứng từ thanh toán, quyết toán.

Điều 5. Một số nội dung và mức chi chung

1. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực

a) Nội dung chi, mức chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố ở phường, thị trấn; người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp) theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì hướng dẫn các nội dung thuộc các nội dung thành phần thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC). Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu trong một số trường hợp đặc thù thực hiện như sau:

- Xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày:

+ Tiền công viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (trang A4, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành đối với văn bản hành chính);

+ Tiền công sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn;

+ Tiền công thẩm định và nhận xét: 30.000 đồng/trang chuẩn;

Trường hợp xây dựng, biên soạn tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số, mức chi cao hơn 30% so với các mức chi nêu trên;

- Số hóa tài liệu trong trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ xa: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông; quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

b) Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho: học viên; cán bộ, công chức, viên chức; người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố được cử đi học; chi phí phát sinh khi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng dưới hình thức đào tạo từ xa và các khoản chi khác có liên quan).

2. Chi thông tin, tuyên truyền; phổ biến giáo dục pháp luật: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

3. Chi xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách khác phục vụ hoạt động của các nội dung, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

4. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn các nội dung thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

5. Chi dịch và hiệu đính tài liệu phục vụ hoạt động chuyên môn của từng nội dung: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

6. Chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

7. Chi điều tra, khảo sát, đánh giá, thống kê nội dung chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

8. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; sơ kết, tổng kết, hội nghị, hội thảo, các hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

9. Chi vận chuyển thuốc, hàng hoá, trang thiết bị, vật tư, gửi thông báo kết quả phục vụ hoạt động chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần (nếu có): Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

10. Chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

Chương II
QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ
Mục 1
NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH

Điều 6. Chi công tác quy hoạch

Chi rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn); triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới theo quy định của Luật quy hoạch; Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội; Quyết định số 263/QĐ-TTg; văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mục 2
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ BẢN ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO KẾT NỐI NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ VÀ KẾT NỐI CÁC VÙNG MIỀN

Điều 7. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Chi xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai. Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định đảm bảo phù hợp với các quy định tại Nghị định số 77/2018/NĐ-CP và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 8. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ.

Mục 3
TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

Điều 10. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Chi điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm; thuê chuyên gia xây dựng đề án, kế hoạch. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cá nhân, tổ chức tham gia; chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các địa phương. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 5 Thông tư này.

Điều 11. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ dự án thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Chương V Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ cụ thể thực hiện 1 dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách trung ương: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các dự án/kế hoạch liên kết do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các dự án/kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể, đảm bảo theo quy định khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án/kế hoạch liên kết trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 13. Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động thực hiện theo quy định tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT).

2. Nội dung chi và mức chi

a) Chi hỗ trợ xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp tỉnh, huyện; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Thông tư này;

b) Chi hỗ trợ tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 5 Thông tư này;

c) Chi hỗ trợ xây dựng bộ công cụ hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia chương trình theo Bộ tiêu chí OCOP; tài liệu hướng dẫn, tập huấn, đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP các cấp, cá nhân tham gia chu trình OCOP; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 5 Thông tư này;

d) Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

đ) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên thực tế (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm

OCOP,...). Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu;

g) Chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem. Mức hỗ trợ thực hiện theo hóa đơn thực tế và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

h) Chi tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, bao gồm:

- Chi thuê chuyên gia, vận chuyển và bảo quản sản phẩm dự thi. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 5 Thông tư này;

- Chi phí tổ chức thi đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

- Chi giải thưởng cho các sản phẩm đạt sao. Mức chi các giải thưởng đạt 5 sao, 4 sao, 3 sao tương ứng với giải nhất, giải nhì, giải ba thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 126/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025".

Điều 14. Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

1. Chi hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (sau đây viết tắt là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP) và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư này quy định một số nội dung chi cụ thể như sau:

a) Chi đào tạo nhân lực theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Chi hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

2. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 15. Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị

1. Đối tượng, phạm vi và nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, sản xuất kinh doanh muối; Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021-2030 và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung chi và mức chi

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Chi hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương. Căn cứ quy định hiện hành, quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung cụ thể và mức hỗ trợ.

Điều 16. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung và mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 17. Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT; Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

Điều 18. Chi hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn

Chi tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Điều 19. Chi thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động thực hiện theo quy định tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nguyên tắc thực hiện

a) Nội dung Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT;

b) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện các đề tài, dự án, mô hình (sau đây gọi chung là nhiệm vụ khoa học công nghệ) của Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Riêng đối với mức chi hỗ trợ dự án xây dựng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện dự án xây dựng mô hình để thực hiện các dự án trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Thông tư 348/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện *"Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025"* và tối đa 50% kinh phí thực hiện dự án mô hình khác quy định tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Mức hỗ trợ trên không bao gồm chi phí xây dựng, sửa chữa nhà xưởng.

Điều 20. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung chi, mức chi

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

d) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 21. Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường

1. Chi xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu khác phục vụ hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo, việc làm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư này.

3. Chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

4. Chi xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: Nội dung và mức chi xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC; nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC; các nội dung và mức chi chung quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e khoản 6 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

5. Chi xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tập huấn nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy nghề: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

6. Chi hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản: Mức hỗ trợ tối đa bằng 30% vốn sự nghiệp thực hiện dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và không quá 07 tỷ đồng/trường, cơ sở;

b) Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo: Các cơ quan, đơn vị theo phân cấp của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quyết định mua sắm phù hợp với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, chương trình đào tạo trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

7. Chi hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho lao động nông thôn: Nội dung, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (sau đây viết tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC), khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Điều 22. Chi hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung chi và mức chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Mục 4
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN

Điều 23. Chi nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn

1. Chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Chi hỗ trợ công tác phổ cập giáo dục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 24. Chi tăng cường chất lượng dịch vụ mạng lưới y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm

1. Nội dung chi cho các hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Mức chi thực hiện theo quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Trường hợp sau khi Bộ Y tế ban hành văn bản hướng dẫn phát sinh các nội dung chi đặc thù mà chế độ chi tiêu tài chính hiện hành không có quy định, Bộ Y tế chủ trì đề xuất nội dung, mức chi cụ thể và thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở đề xuất gửi Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành văn bản để thực hiện.

Điều 25. Chi cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em

Chi hỗ trợ can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng thể thấp còi ở phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và áp dụng cho đối tượng phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi.

Mục 5
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NÔNG THÔN; BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN

Điều 26. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Đối tượng và nội dung cụ thể thực hiện theo hiện hướng dẫn của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế;

b) Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách;

- Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách;

- Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/tủ sách;

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm;

d) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng hoạt động quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này;

đ) Chi sản xuất và cấp phát ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình tiêu biểu về bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC, định mức kinh tế - kỹ thuật do cấp có thẩm quyền ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Chi tổ chức các lớp tập huấn và truyền dạy theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Mức chi thực hiện theo các quy định khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Điều 27. Chi khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Điều 28. Chi bảo tồn và phát huy di sản văn hóa

1. Nội dung các hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

2. Nội dung chi:

a) Chi xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với phát triển du lịch trong xây dựng nông thôn mới;

b) Chi bảo tồn văn hóa phi vật thể tại làng, bản văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch;

c) Chi bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu phục vụ phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này, thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Mục 6

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG; XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP, AN TOÀN; GIỮ GÌN VÀ KHÔI PHỤC CẢNH QUAN TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN

Điều 29. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

1. Chi nghiên cứu, lập đề án/kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn huyện. Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh. Quy mô thực hiện mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung cụ thể của mô hình theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 30. Chi xử lý, khắc khục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Các dự án được xem xét hỗ trợ vốn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật và được đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm;

- Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cam kết bố trí đủ vốn đối ứng để thực hiện dự án và cam kết dự án chưa được bố trí kinh phí thực hiện và chưa được hỗ trợ từ các nguồn vốn khác;

- Dự án phải có nội dung về kế hoạch và cam kết vận hành bền vững và duy tu hệ thống thu gom, xử lý chất thải sau khi dự án kết thúc.

b) Đối với các dự án được ngân sách trung ương hỗ trợ, trường hợp địa phương không thực hiện dự án, không bố trí vốn đối ứng theo cam kết hoặc sử dụng không đúng mục đích, thì phải thu hồi vốn đã hỗ trợ nộp ngân sách trung ương;

c) Việc đề xuất tiêu chí xác định khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm được ưu tiên hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung chi: Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc khục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 31. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu

Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 32. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động thực hiện theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung chi và mức chi

a) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT;

b) Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Mục 7

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ; THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHỆ SỐ, TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN, BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI.

Điều 33. Chi tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh

1. Chi bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi thiết kế, sản xuất và lắp biển địa chỉ số đến từng địa chỉ (hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông. Mức chi thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật về đấu thầu. Căn cứ nhu cầu gắn biển tại địa phương, yêu cầu về nội dung thông tin, chất liệu Biển địa chỉ số, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân

dân cấp tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả.

3. Chi thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cung cấp các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

Điều 34. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động thực hiện theo quy định tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT;

b) Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 35. Chi phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

1. Đối với phổ biến, giáo dục pháp luật, tiêu chí "xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định" trong xã nông thôn mới, tiêu chí "tiếp cận pháp luật" trong xã nông thôn mới nâng cao, tiêu chí "huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định" trong huyện nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Đối với hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 36. Chi nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý

1. Nội dung chi cho các hoạt động nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 37. Chi tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

1. Chi truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em cho đội ngũ cán bộ triển khai chương trình nông thôn mới và người dân vùng nông thôn. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Chi tổ chức điều tra, nghiên cứu, khảo sát việc thực hiện bình đẳng giới; bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư này.

4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh ở cộng đồng, nơi tạm trú an toàn tại cộng đồng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

5. Chi hỗ trợ tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

a) Chi hỗ trợ người cung cấp thông tin về trẻ em, người bị bạo lực trên cơ sở giới, người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: 60.000 đồng/người;

b) Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho cộng tác viên để tiếp nhận thông tin, kết nối dịch vụ thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp: 100.000 đồng/người/tháng;

c) Chi lập hồ sơ trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 45.000 đồng/ hồ sơ (bao gồm cả ảnh);

d) Chi hỗ trợ cho người đưa trẻ em, người bị bạo lực trên cơ sở giới cần bảo vệ khẩn cấp đến trung tâm, cơ sở:

- Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày, không quá 03 ngày và tối đa 02 người;

- Hỗ trợ chi phí đi lại (đi và về, tối đa không quá 02 người): Mức chi theo giá phương tiện công cộng áp dụng tại địa phương hoặc 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm đi (trong trường hợp tự túc phương tiện).

Mục 8
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 38. Chi tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

1. Nội dung chi

a) Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Chi khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích thực hiện phòng trào: *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh";*

c) Chi hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

2. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại khoản 2, khoản 8 Điều 5, khoản 3 Điều 45 Thông tư này.

Điều 39. Chi triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với mô hình do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, hội viên, nông dân. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thực hiện phong trào; nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về mục đích, ý nghĩa, lợi ích trong việc tham gia xây dựng chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"; chi tổ chức các hoạt động tư vấn, tổ chức dịch vụ hỗ trợ cho nông dân nhằm phát triển toàn diện phong trào ở các địa bàn. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 40. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động thực hiện theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *"Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025"*.

2. Nội dung chi và mức chi

a) Chi giải thưởng cho hoạt động tổ chức Ngày phụ nữ khởi nghiệp tại các cấp Hội Phụ nữ. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 126/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Đề án *"Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"*;

b) Chi hỗ trợ thực hiện, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi. Nội dung hỗ trợ, nhân rộng các mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Nội dung chi và mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 15/2022/TT-BTC;

c) Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp trung ương, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình tại các cấp tỉnh/thành; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này.

Điều 41. Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới

1. Nội dung chi

a) Chi hỗ trợ thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế: đẩy mạnh các hình thức truyền thông về khởi nghiệp, lập nghiệp và phát triển kinh tế; triển khai các hoạt động kết nối, tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp; hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp vào thực tiễn; tổ chức các cuộc thi về khởi nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp, chuyển đổi số cho thanh niên;

b) Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới: Tập huấn cho thành viên các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới; tổ chức tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ nông sản cho người dân.

2. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 42. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch".

1. Chi cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm, vai trò của phụ nữ và cộng đồng về vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam và xây dựng nông thôn mới, các tiêu chí của cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch". Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, biểu dương các điển hình thực hiện vun đắp giá trị tốt đẹp gia đình và cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch". Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 5 và khoản 3 Điều 45 Thông tư này.

3. Chi xây dựng, in ấn tài liệu về giáo dục gia đình, vun đắp giá trị gia đình gắn với xây dựng nông thôn mới. Mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

4. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch". Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Thông tư này và tối đa không quá 30 triệu đồng/ mô hình.

Mục 9
GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN

Điều 43. Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn

1. Nội dung chi cho các hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an.

2. Nội dung chi

a) Chi tổ chức tuyên truyền về công tác công an thực hiện Chương trình;

b) Chi hỗ trợ xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo an ninh, trật tự xây dựng nông thôn mới;

c) Chi tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động của các mô hình bảo

đảm an ninh, trật tự ở khu vực nông thôn;

d) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề về công tác công an đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn nông thôn;

đ) Chi tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Công an.

3. Mức chi thực hiện theo quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 44. Chi xây dựng lực lượng dân quân; xây dựng địa bàn nông thôn

1. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

2. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này.

Mục 10
TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 45. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng

1. Chi kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình và kiểm tra, giám sát, đánh giá chung Chương trình; giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình; chi tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác hoặc chủ chương trình (được bố trí kinh phí kiểm tra, giám sát, đánh giá) chịu trách nhiệm thanh toán chi phí cho chuyến công tác

theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong Đoàn. Để tránh chi trùng lắp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác hoặc chủ chương trình thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác nguồn kinh phí kiểm tra, đánh giá và nêu rõ cơ quan, đơn vị cử người không phải thanh toán các khoản chi này.

2. Chi tổ chức Hội nghị, hội thảo triển khai thực hiện các nội dung thuộc các Nội dung thành phần của Chương trình; chi tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư này.

3. Chi tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật.

4. Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp. Mức chi thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

5. Chi xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và mức chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các chương trình, đề án, kế hoạch tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

6. Chi xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình ở trung ương và địa phương. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

7. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này.

Điều 46. Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng

1. Nội dung chi:

a) Chi xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở;

b) Chi đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng;

c) Chi tổ chức đi học tập kinh nghiệm cho Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 8 Điều 5 Thông tư này.

Điều 47. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"

1. Chi thông tin, truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật cho các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chi thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới". Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Mục 11
DUY TU, BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Điều 48. Nguyên tắc thực hiện

1. Công trình được duy tu, bảo dưỡng là công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trên địa bàn xã. Nhà nước chỉ hỗ trợ công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành kể từ thời gian đã hết thời hạn bảo hành công trình.

2. Mỗi công trình phân cấp cho cấp xã quản lý phải được giao cho 01 tổ chức cụ thể chịu trách nhiệm vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ và sửa chữa thường xuyên.

3. Mức kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với từng công trình duy tu, bảo dưỡng theo quy định hiện hành, phù hợp với đặc điểm của từng công trình trên địa bàn, trong phạm vi dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng được duyệt hàng năm. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách của từng xã để cân đối, bố trí ưu tiên kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng

a) Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có);

b) Thanh toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) và Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 62/2020/TT-BTC);

c) Riêng việc lập dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 49 Thông tư này.

Điều 49. Lập dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 48 Thông tư này và các quy định sau:

1. Hằng năm, căn cứ quy trình duy tu, bảo dưỡng và hiện trạng công trình, chủ đầu tư lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân, tổ, nhóm cộng đồng thảo luận công khai trước khi hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình.

2. Căn cứ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; các quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chủ đầu tư thực hiện đàm phán và ký kết hợp đồng với đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

2. Các Thông tư hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

3. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành khi có hiệu lực thi hành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT, Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (360b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng